

Ngày soạn:

Ngày dạy:

TUẦN

Bài 6

CHUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG

(13 tiết)

Và con phải kể cho con của con nghe về những truyền thuyết mà mẹ đã kể cho con - Giống như bà đã kể cho mẹ và bà cố đã kể cho bà....

Bét - ti Xmít (Betty smith)



I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- Tri thức ngữ văn (truyền thuyết, cốt truyện, nhân vật, lời người kể chuyện, lời nhân vật).
- Văn bản thông tin thuật lại một sự kiện và cách triển khai văn bản theo trật tự thời gian.
- Công dụng của dấu chấm phẩy.

2. Về năng lực:

- Nhận biết được một số yếu tố của truyền thuyết như: cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo, chủ đề văn bản).
- Hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy (đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận trong chuỗi liệt kê phức tạp).

- Kể được một truyền thuyết.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Một số video, tranh ảnh, bài thơ, câu nói nổi tiếng liên quan đến nội dung bài học.
- Máy chiếu, máy tính
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.
- Khám phá tri thức Ngữ văn.

b) Nội dung:

GV yêu cầu HS quan sát video, trả lời câu hỏi của GV.

HS quan sát, lắng nghe video bài hát “Thánh Gióng ra trận” suy nghĩ cá nhân và trả lời.



c) Sản phẩm: HS nêu/trình bày được

- Nội dung của bài hát: Ca ngợi anh hùng Thánh Gióng.
- Cảm xúc của cá nhân (định hướng mở).
- Tri thức ngữ văn (truyền thuyết, thế giới nghệ thuật của truyền thuyết; văn bản thông tin thuật lại một sự kiện; dấu chấm phẩy).

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

* Hoạt động cá nhân chia sẻ.

- Chiếu video, yêu cầu HS quan sát, lắng nghe & đặt câu hỏi:

? Cho biết nội dung của bài hát? Bài hát gợi cho em cảm xúc gì?

- Yêu cầu HS đọc ngữ liệu trong SGK.

* Chia nhóm và giao nhiệm vụ:

? Hãy kể tên một số truyền thuyết mà em đã đọc? Em thích nhất truyền thuyết nào?

? Em hãy kể tóm tắt truyền thuyết mà em đã đọc và xác định nhân vật chính của truyền thuyết?

? Xác định các yếu tố cơ bản của truyền thuyết đó như cốt truyện, nhân vật, lời kể?

? Chỉ ra các yếu tố hoang đường, kì ảo trong truyền thuyết mà em đề cập đến?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS

- Quan sát video, lắng nghe lời bài hát và suy nghĩ cá nhân.

- Đọc phần tri thức Ngữ văn.

- Thảo luận nhóm:

+ 2 phút đầu, HS ghi kết quả làm việc ra phiếu cá nhân.

+ 5 phút tiếp theo, HS làm việc nhóm, thảo luận và ghi kết quả vào ô giữa của phiếu học tập, dán phiếu cá nhân ở vị trí có tên mình.

GV:

- Hướng dẫn HS quan sát và lắng nghe bài hát.
- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

B3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một vài nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Hướng dẫn HS báo cáo (nếu các em còn gặp khó khăn).

HS:

- Trả lời câu hỏi của GV.
- Đại diện báo cáo sản phẩm nhóm
- HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động đọc
- Viết tên chủ đề, nêu mục tiêu chung của chủ đề và chuyển dẫn tri thức ngữ văn.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

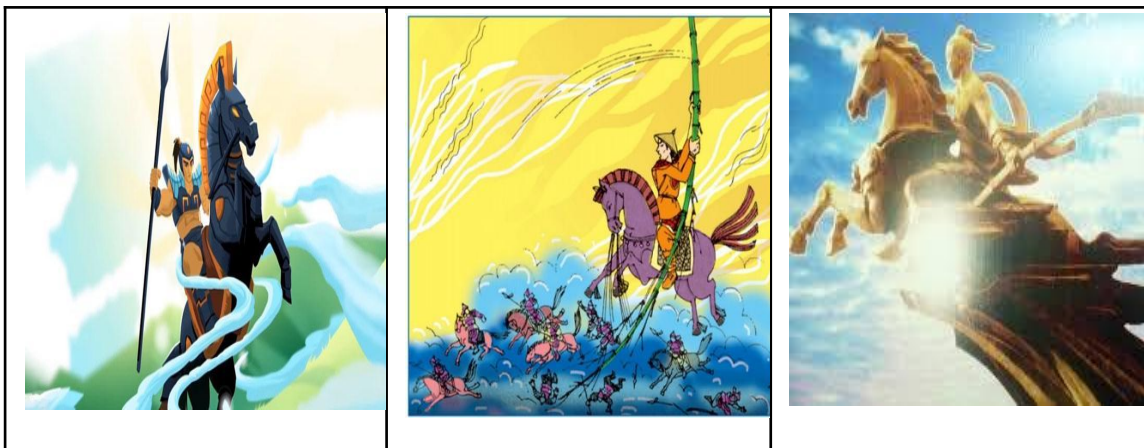
ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Đọc văn bản

Văn bản

THÁNH GIÓNG (1)

– Truyền thuyết –



I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS xác định được chủ đề của truyện.
- HS nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên truyện truyền thuyết: tình huống điển hình của cốt truyện, các chi tiết tiêu biểu, nhân vật có tính biểu trưng cho ý chí và sức mạnh của tập thể, lời kể có nhiều chi tiết hoang đường, kì ảo...
- HS nhận xét, đánh giá về một số thủ pháp nghệ thuật nhằm tô đậm tính xác thực của câu chuyện trong lời kể truyền thuyết.
- HS xác định từ ghép, từ láy; cụm động từ, cụm tính từ; phép tu từ so sánh và cấu tạo của từ Hán Việt theo mô hình “A + giả”.

2. Về năng lực:

- Xác định được chủ đề của truyện.
- Nhận diện thể loại, kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những truyền thuyết Thánh Gióng và những truyền thuyết khác.
- Vận dụng phương pháp học tập vào Đọc - Hiểu những truyền thuyết khác.
- Nhận biết nghệ thuật sử dụng các yếu tố hoang đường, mối quan hệ giữa các yếu tố hoang đường với sự thực lịch sử.
- Vận dụng dấu câu, phép tu từ vào việc viết đoạn văn.

3. Về phẩm chất:

- Tôn trọng, tự hào về lịch sử dân tộc, tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Tranh ảnh, tư liệu liên quan đến truyền thuyết Thánh Gióng.
- Máy chiếu, máy tính.
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HĐ 1: Xác định vấn đề

- a) **Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- b) **Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- GV: Chiếu 2 hình ảnh y/c HS quan sát, miêu tả hành động của Thánh Gióng trong hình ảnh đó-> hoạt động cá nhân (1')

- GV quan sát HS hoạt động -> mời HS trả lời, chia sẻ

- HS: Hoạt động cá nhân (1') -> trả lời, chia sẻ

(+ Hình ảnh1: TG cầm gậy tre đánh giặc Ân

+ Hình ảnh2: TG cưỡi ngựa sắt về trời...).

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

Trong trường ca Theo chân Bác, nhà thơ Tố Hữu viết:

Ôi sức trẻ! Xưa trai Phù Đổng
Vươn vai, lớn bổng dậy nghìn cân
Cưỡi lưng ngựa sắt bay phun lửa
Nhổ bụi tre làng, đuổi giặc Ân!....

Ngay từ buổi đầu dựng nước Văn Lang, nhân dân ta đã phải chống trả giặc ngoại xâm (giặc Ân, giặc mũi đỏ ...) để giữ yên bờ cõi. Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về truyền thuyết **Thánh Gióng** để hiểu hơn về người anh hùng Thánh Gióng và một thời kì lịch sử của dân tộc...

2. HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

2.1 Đọc – hiểu văn bản

I. TÌM HIỂU CHUNG	
Mục tiêu: HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích; nắm được những chi tiết, sự việc chính; nắm được khái niệm, đặc điểm (các yếu tố) của thể loại truyền thuyết; ngôi kể, bố cục của văn bản...	
Nội dung: - Hs đọc, quan sát SGK và tìm thông tin. - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi	
Tổ chức thực hiện	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - HS chia sẻ ý kiến cá nhân: ? Nhân vật chính là ai?	1. Đọc - tóm tắt và giải thích từ khó a) Đọc - kể tóm tắt - Nhân vật chính: Thánh Gióng - Sự việc chính: (1) Sự ra đời kì lạ

? Truyện có những sự việc chính nào? Em hãy kể tóm tắt lại câu chuyện dựa trên các sự việc chính đó?

? Giải thích nghĩa của từ “ tàn quân, núi Ninh Sóc, huyện Gia Bình, làng Cháy”?

? Văn bản thuộc thể loại truyện gì trong VHDG? (Thế nào là truyền thuyết; nêu một số yếu tố của truyền thuyết)

? Truyện sử dụng ngôi kể nào?

? Văn bản chia làm mấy phần?

? Nội dung của từng phần?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Đọc văn bản
- HS chia sẻ ý kiến cá nhân (theo phần chuẩn bị ở nhà)

GV:

- GV nêu câu hỏi, bổ sung (nếu cần: Đọc diễn cảm, chú ý chi tiết kì lạ cần nhấn mạnh. Cách đọc và giọng điệu của mỗi đoạn:

+ Đoạn TG ra đời: Giọng ngạc nhiên, hồi hộp

+ Lời Gióng trả lời sứ giả: Giọng đĩnh đạc, trang nghiêm

+ Đoạn cả làng nuôi Gióng: Giọng hào hứng, phấn khởi

+ Gióng đánh giặc: Giọng khản trương mạnh mẽ, nhanh mạnh, gấp

+ Gióng về trời: Giọng chậm, nhẹ, thanh thản, xa vời huyền thoại)

- Đọc đoạn Gióng ra đời.

- Chỉnh cách đọc cho HS (nếu cần).

- Theo dõi, hỗ trợ HS trong hoạt động nhóm.

HS: 1, 2 kể -> nhận xét

B3: Báo cáo, thảo luận

HS trả lời câu hỏi

B4: Kết luận, nhận định (GV)

Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức.

(2)Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc

(3) Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt

(4) Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ

(5) Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc

(6) Gióng bay về trời

b) Giải thích từ khó/SGK

2. Tìm hiểu chung về văn bản

a. Thể loại

- Truyền thuyết; một số yếu tố của truyền thuyết/ SGK/Trang 5.

- Truyền thuyết Thánh Gióng thuộc thể loại truyền thuyết thời đại Hùng Vương thời kì giữ nước.

- Sử dụng ngôi kể thứ 3.

b. Bố cục (4 phần)

- **Phần 1:** Từ đầu đến “...đặt đâu nằm đấy” (Sự ra đời của Thánh Gióng)

- **Phần 2:** Tiếp đến “...cứu nước”(Sự lớn lên của Thánh Gióng)

- **Phần 3:** Tiếp đến “...bay lên trời” (Thánh Gióng đánh giặc và về trời)

- **Phần 4:** Còn lại (các dấu tích còn lại

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT	
1. Sự ra đời của Thánh Gióng	
Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những chi tiết về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện; Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng. Nội dung: - GV sử dụng KT mảnh ghép cho HS thảo luận. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Nêu câu hỏi và giao nhiệm vụ: (CH 1, 2/SGK/Trang 9) ? Nêu thời gian, địa điểm, hoàn cảnh diễn ra các sự việc trong câu chuyện? ? Thánh Gióng đã ra đời kì lạ như thế nào? ? Sự ra đời kì lạ đó báo hiệu điều gì? - Chia nhóm cặp đôi và giao nhiệm vụ: B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân 2' (đọc SGK, tìm chi tiết) - Làm việc nhóm cặp 3' (trao đổi, chia sẻ và thống nhất nội dung trả lời). - Đại diện lên báo cáo kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: Hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS báo cáo, nhận xét, đánh giá. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS: - Đại diện lên báo cáo sản phẩm của nhóm mình. - Nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của nhóm.	- Thời gian: Đời Hùng Vương thứ 6. - Địa điểm: Tại làng Gióng. + bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai. + mười hai tháng sau sinh một cậu bé + lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy. -> <i>Sự ra đời kì lạ, báo hiệu một con người phi thường</i>

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn sang mục sau.									
2. Sự lớn lên của Thánh Gióng									
Mục tiêu: Giúp HS									
- Hiểu được, phân tích, cảm nhận được ý nghĩa chi tiết về sự lớn lên của Thánh Gióng.									
Nội dung:									
- GV sử dụng KT đặt câu hỏi qua phiếu bài tập, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.									
- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)									
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm								
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập số 1 & giao nhiệm vụ: ? Từ những chi tiết sau: + Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc + Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt + Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng ? Chỉ ra ý nghĩa và nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV: Dự kiến KK: câu hỏi số 2 - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách gợi dẫn . B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS báo cáo, chia sẻ. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	<table><tr><th>Chi tiết</th><th>Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết</th></tr><tr><td>Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc</td><td>-> Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn... + Nguyên vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ. + Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.</td></tr><tr><td>Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt</td><td>-> Vũ khí hiện đại.</td></tr><tr><td>Bà con góp gạo nuôi Gióng</td><td>-> Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.</td></tr></table>	Chi tiết	Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết	Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc	-> Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn... + Nguyên vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ. + Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.	Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt	-> Vũ khí hiện đại.	Bà con góp gạo nuôi Gióng	-> Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.
	Chi tiết	Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết							
	Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc	-> Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn... + Nguyên vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ. + Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.							
	Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt	-> Vũ khí hiện đại.							
Bà con góp gạo nuôi Gióng	-> Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.								
3. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời									

Mục tiêu: Giúp HS

- Hiểu được, phân tích, cảm nhận được ý nghĩa chi tiết về việc Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời.

Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi qua phiếu bài tập, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần).

Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
-------------------	----------

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

- Chia nhóm.

- Phát phiếu học tập số 2 & giao nhiệm vụ:

? Từ những chi tiết sau:

+ Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ

+ Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc

+ Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời

? Chỉ ra ý nghĩa và nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết đó?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- 2 phút làm việc cá nhân

- 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập.

GV: Dự kiến KK: Câu hỏi số 2

- Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ gợi dẫn (nhận xét về nghệ thuật xây dựng các chi tiết đó?).

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

Chi tiết	Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết
Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ	-> sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước.
Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc	-> Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.
Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời	-> Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh. - Sự ra đi phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng

- Yêu cầu HS báo cáo, chia sẻ. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	
4. Những dấu tích còn lại	
Mục tiêu: Giúp HS - Tìm được những chi tiết về những dấu tích còn lại và hiểu được ý nghĩa. Nội dung: - GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS. - HS làm việc cá nhân, làm việc chung cả lớp, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) Hoạt động chung cả lớp - Nêu câu hỏi và giao nhiệm vụ: (CH 6/SGK/Trang 9) ? Lời kể nào trong truyện Thánh Gióng hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Làm việc cá nhân GV: Dự kiến KK: - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách gợi ý (Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó?) B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày, chia sẻ.	- Đền thờ Phù Đổng Thiên Vương - Bụi tre đặng ngà - Ao hồ liên tiếp - Làng Cháy □ Thể hiện sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng đánh giặc cứu nước.

- Hướng dẫn HS chia sẻ ý kiến cá nhân (nếu cần). HS - Chia sẻ ý kiến cá nhân - theo dõi quan sát, nhận xét, bổ sung.... B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của HS. - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục sau.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm lớp theo bàn - Giao nhiệm vụ nhóm: ? Nêu những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản? ? Chủ đề? Nội dung chính của văn bản? ? Ý nghĩa của văn bản. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Suy nghĩ cá nhân 2' và ghi ragiáy. - Làm việc nhóm 5' (trao đổi, chia sẻ và thống nhất câu trả lời). GV hướng theo dõi, quan sát HS thảo luận nhóm, hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Đại diện lên báo cáo, chia sẻ kết quả thảo luận nhóm, HS nhóm khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm. - Chuyển dẫn sang đề mụcsau.	III. Tổng kết 1. Nghệ thuật - Chi tiết tưởng tượng kì ảo, khéo kết hợp huyền thoại và thực tế (cốt lõi sự thực lịch sử với những yếu tố hoang đường) 2. Nội dung – Ý nghĩa * <i>Nội dung:</i> Truyện kể về công lao đánh đuổi giặc ngoại xâm của người anh hùng Thánh Gióng, qua đó thể hiện ý thức tự cường của dân tộc ta. * <i>Ý nghĩa:</i> Truyện ca ngợi người anh hùng đánh giặc tiêu biểu cho sự trỗi dậy của truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết, anh dũng kiên cường của dân tộc ta.

2.1Viết kết nối với đọc

a) Mục tiêu:Giúp HS

- Hs viết được đoạn văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.

- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.
- Lời kể là lời của nhân vật.

b) Nội dung: HS viết đoạn văn

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV): Viết đoạn văn (từ 5 - 7 câu) về một hình ảnh hay hành động của *Thánh Gióng* đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

2.3 Thực hành Tiếng Việt

I. Nghĩa của từ ngữ (Từ Hán Việt)				
Mục tiêu: Giúp HS: - Nhận biết được cấu tạo của từ Hán Việt có yếu tố “giả” nhằm phát triển vốn từ Hán Việt.				
Nội dung: - GV chia nhóm cặp đôi - HS làm việc cá nhân 2', thảo luận 3' và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm.				
Tổ chức thực hiện		Sản phẩm		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp & giao nhiệm vụ: <i>Bài tập 1/SGK/trang 9.</i> - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của bài tập. B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả - Làm việc nhóm (trao đổi, chia sẻ và thống nhất câu trả lời). - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo.		ST T	Yếu tố Há n Việt A	Từ Hán Việt (A + giả)
		1	tác	tác giả
				Nghĩa của từ Hán Việt
				người tạo ra tác phẩm, sản phẩm (bài thơ, bài văn, ...)

- HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	2	đọc	đọc giả	người đọc
	...	...	...	...
	Bài tập 1			

II. Từ ghép và từ láy	
Mục tiêu: Giúp HS	
- Luyện tập về từ ghép, từ láy, biết phân biệt hai loại từ này.	
Nội dung: GV hỏi, HS trả lời	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm bàn & đặt câu hỏi: <i>Bài tập 2/SGK/Trang 10</i> - Giao nhiệm vụ: HĐ cá nhân chia sẻ ? Xác định từ ghép và từ láy trong những câu sau: Mặt mũi, xâm phạm, lo sợ, tài giỏi, vội vàng, gom góp, hoảng hốt, đền đáp. Cho biết cơ sở để xác định như vậy? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc yêu cầu bài tập và thực hiện. GV hướng dẫn HS hoàn thành nhiệm vụ. B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên báo cáo, chia sẻ. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Báo cáo, chia sẻ kết quả làm việc nhóm	Bài tập 2 - Từ ghép: xâm phạm, tài giỏi, lo sợ, gom góp, mặt mũi, đền đáp. - Từ láy: vội vàng, hoảng hốt.

- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS. - Chốt kiến thức. - Chuyển dẫn sang câu hỏi 3.	
III. Cụm từ (cụm động từ, cụm tính từ)	
Mục tiêu: HS củng cố kiến thức về cấu tạo của cụm động từ, cụm tính từ, nắm được ý nghĩa của một số cụm động từ, cụm tính từ. Nội dung: GV đưa yêu cầu BT, HS thực hiện.	
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Chỉ ra cụm động từ và tính từ trong những cụm từ sau: Chăm làm ăn, xâm phạm bờ cõi, cất tiếng nói, lớn nhanh như thổi, chạy nhòe, oai phong lẫm liệt. Chọn một cụm động từ, một cụm tính từ và đặt câu với mỗi cụm từ được chọn. B2: Thực hiện nhiệm vụ GV hướng dẫn HS nhận diện cụm động từ, cụm tính từ trong các cụm từ đã cho bằng cách xác định được: Cấu tạo của cụm từ (thành phần trung tâm, thành phần phụ), từ loại của thành phần trung tâm... B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	Bài tập 3 - Cụm động từ: xâm phạm/ bờ cõi, cất/ tiếng nói, lớn/ nhanh như thổi, chạy/ nhòe. - Cụm tính từ: chăm/ làm ăn. - Đặt câu: Ví dụ: Giặc Ân đã <u>xâm phạm bờ cõi</u> nước ta.
IV. Biện pháp tu từ (so sánh)	

Mục tiêu: HS luyện tập về biện pháp so sánh, biết sử dụng trong khi nói và viết. Nội dung: GV đưa yêu cầu BT, HS thực hiện.	
Tổ chức thực hiện	Sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Nêu biện pháp tu từ được dùng trong những cụm từ sau: <i>Lớn nhanh như thổi, chết như ngã rạ</i>. Vận dụng biện pháp tu từ này để nói về một sự vật hoặc hoạt động được kể trong truyện Thánh Gióng? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và tìm câu có biện pháp so sánh. GV hướng dẫn HS phát hiện ra cấu trúc của phép so sánh trong cụm từ và vận dụng theo yêu cầu bài tập. B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	Bài tập 4 - Cấu trúc của phép so sánh trong cụm từ: <i>lớn nhanh như thổi, chết như ngã rạ</i> là “A như B”. - Vận dụng: + Giặc Ân chết như ngã rạ. + Thánh Gióng lớn nhanh như thổi

3. HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

? Nếu đóng vai sứ giả kể ngắn gọn truyện Thánh Gióng thì em sẽ kể như thế nào?

B2: Thực hiện nhiệm vụ:

GV hướng dẫn HS: Cách xác định ngôi kể, sự việc, giọng kể...

HS xác định ngôi kể, giọng kể, liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- HS xung phong trả lời câu hỏi
- Tham gia nhận xét, bổ sung...

B4: Kết luận, nhận định:

- Kể theo ngôi thứ nhất. Đảm bảo những sự việc chính.
- + Giọng kể truyền cảm, thay đổi phù hợp.
- * GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HĐ 4: củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu: Phát triển năng lực vẽ tranh, sử dụng CNTT trong học tập.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao nhiệm vụ)

? Sưu tầm thêm các dị bản về truyền thuyết Thánh gióng?

? Tìm hiểu về gương anh hùng trong cuộc sống đời thường? (gần đây)

? Vẽ tranh minh họa cho truyện - Nhóm có thể tạo thành tập truyện tranh.

- HS chọn 2 trong 3 nội dung trên làm và nộp sản phẩm về gmail của GV hoặc chụp lại gửi qua zalo nhóm lớp.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS (HS nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết tiếp theo.

Văn bản

SƠN TINH THỦY TINH
(Truyền thuyết)



1. MỤC TIÊU

1.1 Về kiến thức:

- Yếu tố truyền thuyết được thể hiện trong văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh”.
- Vua Hùng kén rể trong hoàn cảnh nào? Mục đích của việc kén rể? Hệ quả và giải pháp?
- Cuộc giao chiến của hai vị thần và ý nghĩa của hình tượng Sơn Tinh, Thủy Tinh.
- Phép tu từ điệp ngữ, công dụng của dấu chấm phẩy, của điệp ngữ và cấu tạo của từ Hán Việt theo mô hình “thủy + A”.

1.2 Về năng lực:

- Tìm được những chi tiết kể về hai vị thần và nhận xét về hai vị thần.
- Chỉ ra được phép tu từ điệp ngữ và nêu công dụng của nó trong văn cảnh cụ thể.
- Vận dụng dấu câu, phép tu từ vào việc viết đoạn văn.

1.3 Về phẩm chất:

- Yêu mến và ngợi ca cái tốt, lên án cái xấu.

2. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Tranh ảnh về văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh”
- Giấy A1 hoặc bảng phụ để HS làm việc nhóm.
- Phiếu học tập.

3. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

3.1 HĐ 1: Xác định vấn đề

- e) **Mục tiêu:** HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.
- f) **Nội dung:** GV hỏi, HS trả lời.
- g) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- h) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV chiếu hình ảnh video về lũ lụt và đặt câu hỏi:

? Nội dung của video? Cảm xúc của em khi xem xong video?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS quan sát video, suy nghĩ cá nhân

B3: Báo cáo, thảo luận: HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định (GV):

Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

3.2 HĐ 2: Hình thành kiến thức mới

3.2.1 Đọc – hiểu văn bản

I. TÌM HIỂU CHUNG	
a) Mục tiêu: HS biết cách đọc và tìm hiểu nghĩa của một số từ trong phần chú thích. b) Nội dung: - GV hướng dẫn HS đọc văn bản và đặt câu hỏi. - HS đọc, quan sát SGK và tìm thông tin để trả lời câu hỏi của GV. c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc: + Đọc phán đoán + Đọc theo dõi - Yêu cầu HS đọc theo hướng dẫn và chia sẻ ý kiến cá nhân ? Giải thích nghĩa của từ “cầu hôn, Tản Viên, lạc hầu, phán, sinh lễ, hồng mao, nao núng...”? ? Văn bản thuộc thể loại truyện gì trong VHĐG? ? Nhân vật chính là ai? ? Liệt kê các sự việc chính? ? Văn bản chia làm mấy phần? ? Nội dung của từng phần? B2: Thực hiện nhiệm vụ	1. Đọc, kể tóm tắt và giải thích từ khó a) Đọc, kể tóm tắt - Đọc phán đoán - Đọc theo dõi - Sự việc chính: 1. Vua Hùng kén rể. 2. Sơn Tinh-Thủy Tinh đến cầu hôn. 3. Vua Hùng ra điều kiện chọn rể. 4. Sơn Tinh đến trước lấy được Mị Nương. 5. Thủy Tinh đến sau tức giận dâng nước đánh Sơn Tinh. 6. Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua. 7. Hàng năm, Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh.

GV hướng dẫn HS đọc và giải thích nghĩa của từ khó. HS nghe hướng dẫn cách đọc của gv, quan sát SGK. B3: Báo cáo, thảo luận GV yêu cầu HS đọc và trả lời câu hỏi HS đọc và trả lời câu hỏi của GV - chia sẻ ý kiến cá nhân theo nội dung đã chuẩn bị ở nhà. B4: Kết luận, nhận định (GV) Nhận xét câu trả lời của HS và chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang đề mục sau.	b) Giải thích nghĩa của từ khó 2. Tìm hiểu chung về văn bản - Thể loại: truyền thuyết - Nhân vật: Sơn Tinh, Thủy Tinh, Hùng Vương, Mị Nương... - Nhân vật chính: Sơn Tinh, Thủy Tinh. - Các sự việc - Bố cục: 3 phần + P1: Từ đầu ... “mỗi thứ 1 đôi” + P2: tiếp... “thần nước đành rút quân về”. + P3: còn lại
---	---

II. TÌM HIỂU CHI TIẾT		
1. Vua Hùng kén rể		
a) Mục tiêu: Giúp HS hoàn cảnh, mục đích, hình thức của việc vua Hùng kén rể. b) Nội dung: - GV sử dụng KT khăn phủ bàn cho HS thảo luận. - HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành, câu trả lời của HS. d) Tổ chức thực hiện		
HD của thầy và trò		Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) (1) Đặt câu hỏi: ? Vua Hùng kén rể trong hoàn cảnh nào? Mục đích của việc kén rể? Hình thức kén rể? Kết quả ra sao? (2) Chia nhóm lớp, phát phiếu học tập và giao nhiệm vụ: - Hoàn thành phiếu học tập		a. Hoàn cảnh của việc kén rể - Vua có một người con gái tên là Mị Nương. - Mị Nương người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. - Vua Hùng rất mực yêu con. b) Mục đích: Muốn chọn cho con một người chồng thật xứng đáng.
P/điện ss	Sơn Tinh	Thủy Tinh
Nguồn gốc		

Tài năng		
Nhận xét		

? Vua Hùng đưa ra giải pháp gì? Qua giải pháp đó, em thấy thái độ của Vua Hùng nghiêng về ai? Vì sao em lại có nhận xét như vậy?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- Làm việc cá nhân 2 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.
- Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm.

GV theo dõi, hỗ trợ cho HS (nếu HS gặp khó khăn).

B3: Báo cáo, thảo luận

GV:

- Yêu cầu đại diện của một nhóm lên trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS

- Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của cá nhân và các nhóm.
- Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.

☑ Việc chọn dâu, kén rể là mô tuýp mang tính truyền thống trong truyền thuyết và cổ tích.

c) Hệ quả: Hai chàng trai đến cầu hôn

P/diệ n ss	Sơn Tinh	Thủy Tinh
Nguồn gốc	- Chúa vùng non cao.	- Chúa vùng nước thấp.
Tài năng	- Vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi. - Vẫy tay về phía tây, phía tây mọc dãy núi đồi.	- Gọi gió gió đến. - Hô mưa, mưa về.
Nhận xét	☑ Ngang tài ngang sức. Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thủy Tinh mang sự huỷ diệt (bão, lũ lụt).	

d) Giải pháp: Thi tài dâng lễ vật sớm: chỉ trong 1 ngày ai dâng lễ vật trước sẽ được chọn.

* Lễ vật : “100 ván cờm nếp , 100 nếp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao”.

☑ Giải pháp kén rể có lợi cho Sơn Tinh. Vì đó là các sản vật nơi rừng núi thuộc Sơn Tinh cai quản.

☑ Vua Hùng nghiêng về phía Sơn Tinh vì nhận ra sức tàn phá của Thủy Tinh. Đồng thời ngài tin vào sức mạnh của Sơn Tinh có thể chiến thắng Thủy tinh, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.

3. Cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Tìm được chi tiết tái hiện lại cuộc giao chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.

- Nhận xét được ý nghĩa của từng nhân vật.

+ Sơn Tinh đại diện cho sức mạnh của nhân dân và thể hiện khát vọng chiến thắng thiên tai, lũ lụt.

+ Thủy Tinh đại diện cho sức mạnh của lũ lụt, tàn phá mùa màng và đời sống của dân.

b) Nội dung:

- GV sử dụng KT đặt câu hỏi, tổ chức hoạt động nhóm cho HS.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm, trình bày sản phẩm, quan sát và bổ sung (nếu cần)

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS và phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến		
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm. - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: ? Nguyên nhân của cuộc giao chiến? ? Cuộc giao chiến giữa hai chàng diễn ra như thế nào? Tìm những chi tiết kể về cuộc giao chiến? ? Em có nhận xét gì về hành động của Sơn Tinh và Thủy Tinh? ? Theo em Sơn Tinh và Thủy Tinh đại diện cho lực lượng nào? ? Kết quả của cuộc chiến thể hiện ước mơ gì của nhân dân?		Cuộc giao chiến	
	Nguyễn nhân	Thủy Tinh đến sau không lấy được vợ liền đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương.	
		Thủy Tinh	Sơn Tinh
		- Hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão, rung chuyển cả đất trời.	- Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy

B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - 2 phút làm việc cá nhân - 3 phút thảo luận cặp đôi và hoàn thành phiếu học tập. GV: Dự kiến KK: câu hỏi số 2 - Tháo gỡ KK ở câu hỏi (2) bằng cách đặt câu hỏi phụ (Tác giả đã sử dụng biện pháp kể hay tả để tái hiện hình ảnh Đền Mèn?). B3: Báo cáo, thảo luận GV: - Yêu cầu HS trình bày. - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần). HS - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm. - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét về thái độ làm việc và sản phẩm của các nhóm. - Chốt kiến thức lên màn hình, chuyển dẫn sang mục sau.	Diễn biến	- Dân đất ngăn nước đánh chặn dòng Sơn Tinh. nước lũ . Nước ngập ruộng đồng, - Nước dâng cao bao nhiêu, đôi nước tràn núi cao lên nhà cửa, bấy nhiêu. thành Phong Châu nổi lên bênh trên biển nước.	Nhận xét => Sức mạnh và sự tàn phá ghê gớm. Thế gian ngập nước, hạnh phúc gia đình, nhà cửa, đất đai và cuộc sống muôn loài trên mặt đất. => Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh là hành động tự bảo vệ
--	-------------------------	---	--

		sức mạnh của thiên tai bão lụt, sự đe dọa thường xuyên của thiên tai với cuộc sống con người . - Sơn Tinh có nhiều sức mạnh hơn: Chàng có sức mạnh tinh thần của vua Hùng; có sức mạnh vật chất: trận địa, đồi núi cao hơn, vững chắc hơn; có tinh thần bền bỉ. - Sơn Tinh tượng trưng sức mạnh chế ngự thiên tai ,bão lụt của nhân dân.
	Kết quả	Cuối cùng Thủy Tinh đã mệt mà Sơn Tinh vẫn vững vàng, Thủy Tinh đành rút quân về.

	<table border="1"> <tr> <td data-bbox="874 143 1018 286"></td><td data-bbox="1018 143 1453 286">Hàng năm dâng nước đánh Sơn Tinh.</td></tr> <tr> <td data-bbox="874 286 1018 712">Nhận xét</td><td data-bbox="1018 286 1453 712"> ⇒ Thể hiện ước mơ, khát vọng nhân dân sẽ chế ngự được thiên nhiên. - Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm ở miền Bắc nước ta. </td></tr> </table>		Hàng năm dâng nước đánh Sơn Tinh.	Nhận xét	⇒ Thể hiện ước mơ, khát vọng nhân dân sẽ chế ngự được thiên nhiên. - Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm ở miền Bắc nước ta.
	Hàng năm dâng nước đánh Sơn Tinh.				
Nhận xét	⇒ Thể hiện ước mơ, khát vọng nhân dân sẽ chế ngự được thiên nhiên. - Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm ở miền Bắc nước ta.				
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Khái quát nghệ thuật và nội dung của văn bản? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc lại nội dung trong vở ghi. - Ghi kết quả ra giấy. GV hướng theo dõi, quan sát HS làm việc cá nhân và hỗ trợ (nếu HS gặp khó khăn). B3: Báo cáo, thảo luận HS: - Trình bày sản phẩm cá nhân - HS khác theo dõi, nhận xét và bổ sung (nếu cần) cho bạn. GV: - Yêu cầu HS nhận xét, đánh giá chéo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc	III. Tổng kết 1- Nghệ thuật Truyện được xây dựng bằng trí tưởng tượng hồn nhiên với những yếu tố hoang đường kì lạ ,có sức hấp dẫn để giải thích hiện tượng tự nhiên. 2- Nội dung -Truyện nhằm giải thích hiện tượng mưa gió bão lụt hàng năm vẫn diễn ra ở vùng sông Hồng ,đồng thời thể hiện ước mơ chiến thắng thiên tai bão lụt của người Việt cổ. - Ca ngợi công lao trị thủy dựng nước của cha ông ta. ☐ Dân gian tạo dựng 2 hình tượng kì vĩ mang tính tượng trưng cho sức mạnh ghê gớm của thiên tai và sức				

của HS. - Chốt kiến thức - Chuyển dẫn sang đề mục sau.	mạnh trị thủy thắng lợi của con người. Điều đó rất gần với cuộc sống hôm nay.
--	---

3.2.2 Viết kết nối với đọc

a) Mục tiêu: Giúp HS

- HS viết được đoạn văn kể chuyện bằng lời của nhân vật trong truyện.
- Sử dụng ngôi kể thứ nhất.
- Lời kể là lời của nhân vật.

b) Nội dung: HS viết đoạn văn

c) Sản phẩm: Đoạn văn của HS sau khi đã được GV góp ý sửa.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV):

Nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp từng viết về Sơn Tinh và Thủy Tinh như sau:

“Sơn Tinh có một mắt ở trán
Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì
Một thần phi bạch hổ trên cạn
Một thần cười lưng rồng uy nghi”

Điều này cho thấy, từ những thông tin về nhân vật trong câu chuyện, mỗi chúng ta đều có thể tưởng tượng ra ngoại hình của nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh theo cách riêng. Hãy viết đoạn văn (từ 5 – 7 câu) ghi lại sự tưởng tượng của em về hai nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh?

B2: Thực hiện nhiệm vụ: HS viết đoạn văn

B3: Báo cáo, thảo luận: HS đọc đoạn văn

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và chỉnh sửa đoạn văn (nếu cần).

3.2.3 Thực hành Tiếng Việt

Dấu câu

a) Mục tiêu: Giúp HS hiểu được công dụng của dấu chấm phẩy và biết sử dụng loại dấu này.

b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Chia nhóm cặp đôi. - Yêu cầu HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của từng bài tập. Bài tập 1: Tìm và cho biết công dụng của dấu chấm phẩy trong đoạn văn? Bài tập 2: Viết đoạn văn có dùng dấu chấm phẩy. B2: Thực hiện nhiệm vụ HS: - Đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1,2 - Phát hiện ra dấu chấm phẩy trong đoạn văn. - Phân tích cấu trúc ngữ pháp trong câu để rút ra nhận xét về công dụng của dấu chấm phẩy. Dự kiến KK: HS gặp khó khăn ở bài tập 2 GV gợi ý: - Em định viết đoạn văn về chủ đề gì? - Em dự định dùng dấu chấm phẩy ở chỗ nào? Câu nào? B3: Báo cáo, thảo luận GV: Yêu cầu - HS lên chữa bài tập 1.	Bài tập 1 - HS chỉ ra dấu chấm phẩy ở ranh giới giữa các vế trong câu. - Rút ra: ⇒ Công dụng của dấu chấm phẩy: Đánh dấu ranh giới giữa các vế trong một câu ghép có cấu tạo phức tạp. Bài tập 2: Đoạn văn của HS có sử dụng dấu chấm phẩy phù hợp.

- Đọc đoạn văn ở bài tập 2. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình trình bày sản phẩm (chữa bài tập 1, đọc đoạn văn ở bài tập 2). - Nhận xét và bổ sung cho bạn/cặp của bạn (nếu cần). B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc của HS. - Chốt kiến thức lên màn hình. - Chuyển dẫn sang Nghĩa của từ							
Nghĩa của từ							
a) Mục tiêu: Giúp HS làm quen với cấu tạo mô hình từ Hán – Việt là <i>thuỷ</i> + A đồng thời phát triển vốn từ có trên mô hình trên và biết được các yếu tố Hán – Việt mới. b) Nội dung: - GV chia nhóm cặp đôi - HS làm việc cá nhân 2’, thảo luận 3’ và hoàn thiện nhiệm vụ nhóm. c) Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập mà học sinh hoàn thành. d) Tổ chức thực hiện							
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến						
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS xác định yêu cầu của từng bài tập. - Làm bài tập và rút ra nội dung cần ghi nhớ.	Bài 3: <table><tr><td>Yếu tố Hán Việt</td><td>Từ Hán Việt</td><td>Nghĩa của từ Hán Việt</td></tr><tr><td>A</td><td>(thuỷ + A)</td><td></td></tr></table>	Yếu tố Hán Việt	Từ Hán Việt	Nghĩa của từ Hán Việt	A	(thuỷ + A)	
Yếu tố Hán Việt	Từ Hán Việt	Nghĩa của từ Hán Việt					
A	(thuỷ + A)						

B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS đọc bài tập trong SGK và xác định yêu cầu của đề bài. - Suy nghĩ cá nhân và viết ra giấy kết quả - GV hướng dẫn HS bám sát yêu cầu của đề bài. B3: Báo cáo, thảo luận - GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. - HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét và chốt kiến thức, chuyển dẫn sang đề mục sau.	Cư	Thủy cư	Sống ở trong nước
	Quái	Thủy quái	Quái vật sống trong nước
			
	Bài 4 : - Câu do HS đặt (câu đúng, nếu sai ? GV giúp HS sửa lại).		

3. Biện pháp tu từ	
a) Mục tiêu: Giúp HS nhận biết và phân tích được tác dụng của biện pháp điệp ngữ	
b) Nội dung: GV hỏi, HS trả lời	
c) Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập mà HS hoàn thành.	
d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Tìm câu văn có sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh” và nêu tác dụng của biện pháp tu từ này? ? Từ đó rút ra phép tu từ điệp ngữ? B2: Thực hiện nhiệm vụ HS đọc SGK và tìm câu có phép tu từ điệp ngữ. GV hướng dẫn HS phát hiện ra câu có phép tu từ điệp ngữ và nêu tác dụng của nó trong một văn cảnh cụ thể. B3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo sản phẩm thảo luận nhóm. GV yêu cầu và hướng dẫn HS báo cáo. B4: Kết luận, nhận định (GV) - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của HS, chuyển dẫn vào HĐ sau.	Bài tập 5: - Một người là chúa miền non cao, một người là chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể vua Hùng. ⇒ Nhấn mạnh sự ngang tài, ngang sức. Mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thủy Tinh. - Một người ở vùng núi Tản Viên, có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. [...] Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió gió đến, hô mưa mưa về. ⇒ Liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh, Thủy Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì. - Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lênh trên một biển nước. ⇒ Liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh cũng như sự tức giận của Thủy Tinh.
---	---

3. HĐ 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân làm bài tập của GV giao.

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập .

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai nhân vật Sơn Tinh kể lại câu chuyện.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV:

- Hỗ trợ HS liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật để kể lại câu chuyện

HS:

- Liệt kê các sự việc và kể lại câu chuyện theo chuỗi sự việc đã liệt kê.

B3: Báo cáo, thảo luận:

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá bài làm của HS bằng điểm số.

4. HĐ 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Cảm nhận của HS theo định hướng chân – thiện – mỹ.

- Biết ca ngợi người tốt, việc tốt (Sơn Tinh).

- Lên án cái xấu, sự ích kỉ, hành động sai trái (Thủy Tinh).

- Biết phòng chống thiên tai khi mùa lũ đến (đắp đê, kè đê), bảo vệ mùa màng khi mùa bão.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

? Em có ủng hộ hành động đuổi đánh Sơn Tinh của Thủy Tinh không? Vì sao? Từ đó em rút ra cho mình bài học gì trong cuộc sống?

? Từ nội dung của bài học, em rút ra điều gì trong việc phòng chống lũ lụt?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS xác nhiệm vụ và tìm kiếm tư liệu trên nhiều nguồn...

HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và tìm kiếm tư liệu trên mạng internet.

B3: Báo cáo, thảo luận

GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm.

HS nộp sản phẩm cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

VĂN BẢN

AI OI MÔNG 9 THÁNG 4

I. MỤC TIÊU (Học xong bài học, học sinh sẽ đạt được)

1. Về kiến thức:

- HS nhận biết được văn bản thuyết minh thuật lại một sự kiện, nêu được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Nhận biết được cách triển khai văn bản thông tin theo trình tự thời gian.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa truyện.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

Giúp học sinh có được những phẩm chất tốt đẹp: nhớ ơn, tự hào về truyền thống của lịch sử dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh, video về lễ hội Gióng.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học. HS kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

b) Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm, cảm xúc của bản thân

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV cho HS quan sát video về lễ hội Gióng và đặt câu hỏi: <i>Lễ hội trên gợi nhắc em đến văn bản nào đã học?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động	- HS chia sẻ trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của mình.

và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá GV dẫn dắt: Từ truyền thuyết Thánh Gióng, nhân dân ta tổ chức hội Gióng nhằm nhớ ơn công lao của Gióng và cũng để nhắc nhở con cháu mai sau về truyền thống đấu tranh hào hùng, tinh thần yêu nước trong lịch sử dân tộc. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu.	
---	--

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

2.1. Đọc – hiểu văn bản

I. TÌM HIỂU CHUNG	
a. Mục tiêu: Nắm được những thông tin về thể loại, giải nghĩa từ khó trong văn bản. b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện:	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn cách đọc: - GV yêu cầu HS giải nghĩa những từ	1. Đọc, tìm hiểu chú thích

khó: <i>phỗng, phù giá, xà cạp</i> - HS lắng nghe. - GV yêu cầu học sinh đặt câu với những từ khó: <i>phỗng, phù giá, xà cạp</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức trên máy chiếu	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS dựa vào văn bản vừa đọc, trả lời câu hỏi: <i>Xác định bố cục của văn bản?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS làm việc cá nhân + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: chia 3 phần Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	2. Bố cục: 3 phần - P₁: Từ đầu -> <i>đồng bằng Bắc Bộ</i>: giới thiệu về hội Gióng - P₂: Tiếp theo -> <i>viên hầu cận</i>: Tiến trình hội Gióng. - P₃: Còn lại: Ý nghĩa của hội Gióng

+ HS trình bày sản phẩm + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	
--	--

2.2. Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Nêu được nội dung và nghệ thuật văn bản.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: <i>Văn bản này thuật lại sự kiện gì?</i> <i>Đoạn mở đầu của văn bản nêu rõ những thông tin gì?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: - VB này thuật lại sự kiện lễ hội Gióng vào ngày 9/4 âm lịch tại xã Phù Đổng – Gia Lâm - Hà Nội	II. Tìm hiểu chi tiết 1. Giới thiệu hội Gióng - Tên: lễ hội Gióng hay hội làng Phù Đổng. - Thời gian: 9/4 âm lịch - Địa điểm: xã Phù Đổng – Gia Lâm - Hà Nội

2. Đoạn mở đầu của VB cho biết các thông tin về sự kiện, thời gian diễn ra, bối cảnh (có mưa, mưa dông), tính chất, đặc điểm lễ hội (là một trong những lễ hội lớn nhất ở khu vực Đồng bằng BB).

BƯỚC 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

BƯỚC 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
- => Ghi lên bảng

Nhiệm vụ 3:

BƯỚC 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV đặt tiếp câu hỏi:

- + *Hội Gióng diễn ra ở những địa điểm nào?*
- + *Những địa điểm đó nhắc em nhớ đến các chi tiết nào trong truyền thuyết TG?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

BƯỚC 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm: Một số địa danh diễn ra hội Gióng như Cổ Viên, Miếu Ban, Đền

- Lễ hội diễn ra trên khu vực rộng lớn.

Mẫu, Đèn Thờng. BƯỚC 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. BƯỚC 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV bổ sung: cho HS xem thêm một số tranh ảnh về các di tích này với học sinh.	
Nhiệm vụ 4: BƯỚC 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, hoàn thành phiếu bài tập để tìm hiểu về tiến trình của lễ hội. (phiếu bài tập phần hồ sơ dạy học). - HS tiếp nhận nhiệm vụ. BƯỚC 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS nêu được thứ tự, thời gian, không gian, sự kiện, người tham gia lễ hội. BƯỚC 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	2. Tiến trình của hội Gióng - Thời gian chuẩn bị: 1/4-5/4 - Lễ hội bắt đầu + Mừng 6: lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay lên đền Thờng + Mừng 9: chính hội, có múa hát thờ, hội trện và khao quân + Mừng 10: lễ duyệt quân, tạ ơn Thánh + Ngày 11,12: lễ rửa khí giới và lễ rước cờ báo tin thắng trận.

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. BƯỚC 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Nhiệm vụ 5 BƯỚC 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trả lời: <i>+ Hãy tìm một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. BƯỚC 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: HS liệt kê các hình ảnh, hoạt động: Một số hình ảnh, hoạt động trong lễ hội đã được tác giả bài viết giải thích rõ ý nghĩa tượng trưng như: ● Lễ rước nước từ đền Hạ về đền Thượng, ngày mùng 8: tượng trưng cho việc tôi luyện vũ khí trước khi đánh giặc;	☐ Lễ hội diễn ra trang trọng, đủ nghi thức với nhiều hoạt động.
--	--

- Hội trận mô phỏng cảnh Thánh Gióng đánh giặc;
- 28 cô tượng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục đẹp tượng trưng cho 28 đạo quân thù;
- 80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quấn xà cạp là quân ta;
- Dăm ba bé trai cầm roi rồng, mặc áo đỏ đi dọn đường, tượng trưng cho đạo quân mục đồng;
- Cảnh chia nhau những đồ tế lễ tượng trưng cho việc xin lộc Thánh để được may mắn trong cả năm;
- Ngày 12 là lễ rước cờ tượng trưng cho việc báo tin thắng trận với trời đất, thiên hạ hưởng thái bình.

BƯỚC 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày sản phẩm thảo luận
- + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

BƯỚC 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức
- => Ghi lên bảng
- Chiếu một vài hình ảnh về hội Gióng

Nhiệm vụ 6:

BƯỚC 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Theo em, hội Gióng có ý nghĩa gì ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ. BƯỚC 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi BƯỚC 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. BƯỚC 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng GV chuẩn kiến thức: Lễ Hội Gióng là một di sản vô giá của văn hoá dân tộc, là dịp để mỗi người Việt Nam có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, thiêng liêng và trần thế... Lễ hội cần được bảo tồn và phát huy để giữ gìn những giá trị truyền thống tốt đẹp cho muôn đời. Nhiệm vụ 7: BƯỚC 1: chuyển giao nhiệm vụ	- Lễ hội mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc và thể hiện sự tôn kính, trân trọng truyền thống lịch sử dân tộc. 3. Ý nghĩa của hội Gióng - Di sản văn hoá vô giá của dân tộc. ☑ cần được bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống tốt đẹp của muôn đời.
--	--

- GV đặt câu hỏi: <i>Tổng kết nội dung và nghệ thuật của văn bản ?</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	III. Tổng kết 1. Nội dung – Ý nghĩa: - Giới thiệu về lễ hội đền Gióng. Qua đó thể hiện được nét đẹp văn hoá tâm linh và truyền thống uống nước nhớ nguồn của dân tộc. 2. Nghệ thuật - Sử dụng các phương thức thuyết minh, ngắn gọn, súc tích.
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* Em hãy lập sơ đồ tư duy và thuyết minh ngắn gọn về lễ hội Gióng ở nước ta.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* viết đoạn văn (5-7 câu) nêu cảm nhận của em về ý nghĩa của lễ hội Gióng ở nước ta.
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC

Phiếu bài tập

3. Tóm tắt tiến trình diễn ra hội Gióng trong văn bản *Ai ơi mùng 9 tháng 4* bằng cách điền nội dung thích hợp vào bảng sau:

Tiến trình Thứ tự	Thời gian	Không gian	Sự kiện	Người tham gia	Ý nghĩa biểu trưng (nếu có)
1					
2					
3					

VIẾT

VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- HS thấy được chức năng của kiểu VB thuyết minh thuật lại một sự kiện trong đời sống cũng như đặc điểm cơ bản của nó.
- HS viết được bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện (một sinh hoạt văn hoá) đã từng tham gia, từng được chứng kiến hoặc được đọc, xem qua, nghe sách báo, truyền hình, truyền thanh.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi.
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1: XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ

- a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
- c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS: nhớ lại một lễ hội hoặc một sinh hoạt văn hoá mà các em đã từng tham gia, chứng kiến hoặc biết đến qua sách báo, truyền hình HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - GV nhận xét, đánh giá	

GV dẫn dắt vài bài: Các em vừa đọc xong một Vb tường thuật lại lễ hội Gióng, một sinh hoạt văn hoá dân gian. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại văn bản thông tin. Các em cũng đã đọc lời dẫn trong sách. Bây giờ các em đã sẵn sàng để viết một bài văn tương tự chưa? Chúng ta sẽ cùng nhau tiến hành công việc này ngay bây giờ.

HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu đối với bài văn thuyết minh lại một sự kiện

- a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu của bài văn thuyết minh lại một sự kiện.
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

PHIẾU TÌM Ý

Họ và tên HS:

Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn Kể lại một trải nghiệm của bản thân

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em bằng cách trả lời vào cột bên phải ở các câu hỏi ở cột trái.

///

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1 Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: + Bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện cần đáp ứng những yêu cầu gì? + HS lấy dẫn chứng từ VB Ai ơi mùng 9 tháng 4 để minh họa cho những yêu cầu đó. - HS thực hiện nhiệm vụ Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. Dự kiến sản phẩm: Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	I. Tìm hiểu chung 1. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện: • Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp. • Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian). • Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí. • Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc. • Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.

Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo

- a. Mục tiêu:** Nắm được các đặc điểm của bài văn thuyết minh
- b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: BƯỚC 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV giới thiệu: Bài viết tham khảo kể về một hội chợ xuân được tổ chức ở trường học mà người viết từng tham gia, trải nghiệm. Bài viết thông tin một cách tương đối chi tiết về sự kiện, kèm theo cả những nhận xét, đánh giá, cảm nghĩ của người viết về sự kiện. - GV yêu cầu HS thảo luận theo những câu hỏi sau: + <i>Vì sao em biết VB này sử dụng ngôi kể thứ nhất?</i> + <i>Phần nào đoạn nào của bài viết giới thiệu về sự kiện?</i> + <i>Những chi tiết nào giới thiệu về bối cảnh để người đọc hiểu về sự kiện?</i> + <i>Bài viết tường thuật theo trình tự nào?</i> + <i>Những từ ngữ nào thể hiện nhận xét, đánh giá của người viết trước sự kiện</i>	2. Phân tích bài viết tham khảo

được tường thuật?

- HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

Dự kiến sản phẩm:

- + Người thuyết minh xưng “tôi”:
trường tôi, tôi được tham gia, tôi được thấy lần đầu tiên,...
- + Phần mở đầu đã giới thiệu bối cảnh, mục đích tổ chức hội chợ xuân.
- + Thời gian: cuối năm âm lịch, sắp đến Tết; không gian: trong sân trường; diễn biến sự kiện: toàn bộ quá trình diễn ra hội chợ xuân từ việc chuẩn bị đến ngày diễn ra hội chợ, các hoạt động được tổ chức trong sân trường vào ngày hôm đó: khai mạc, hoạt động mua bán, vui chơi,...
- + Trật tự thời gian: *8 giờ sáng, sau, liền sau đó, đồng thời, 6 giờ chiều*; trình tự nguyên nhân - kết quả: chuẩn bị -> khai mạc -* diễn biến -> kết thúc
- + *ấn tượng rất sâu sắc; cảm nhận; kỉ niệm đáng nhớ; được sống trong một bầu không khí rộn rã, vui tươi;...*

BƯỚC 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. BƯỚC 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	
---	--

Hoạt động 2: Thực hành viết theo các bước

- a. Mục tiêu:** Nắm được các viết bài văn
- b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
NV1: BƯỚC 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Hướng dẫn HS lựa chọn đề tài. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, tìm ý cho bài viết theo Phiếu học tập sau: Nhiệm vụ: Tìm ý cho bài văn thuyết	2. Các bước tiến hành <u>Trước khi viết</u> - Lựa chọn đề tài - Tìm ý - Lập dàn ý <u>Viết bài</u> <u>Chỉnh sửa bài viết</u>

minh lại một sự kiện

Gợi ý: Để nhớ lại các chi tiết, hãy viết tự do theo trí nhớ của em (một sinh hoạt văn hoá)

PHIẾU TÌM Ý

Sự kiện gì?	
Mục đích của việc tổ chức sự kiện là gì?	
Sự kiện xảy ra khi nào? Ở đâu?	
Những ai đã tham gia sự kiện? Họ đã nói và làm gì?	
Sự kiện diễn ra theo trình tự thế nào?	
Ấn tượng, cảm nghĩ của em hoặc của những người tham gia về sự kiện là gì?	

- HS lập dàn ý cho bài viết theo gợi ý.
- HS viết bài tại lớp.
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

BƯỚC 2: HS trao đổi thảo luận, thực

hiện nhiệm vụ + HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi Dự kiến sản phẩm: BƯỚC 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. BƯỚC 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.	
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Hình thức hỏi – đáp - Thuyết trình sản phẩm.	- Phù hợp với mục tiêu, nội dung - Hấp dẫn, sinh động	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập	

	- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học	- Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	
--	---	--	--

• TRẢ BÀI

Mục tiêu: Giúp HS

- Thấy được ưu điểm và tồn tại của bài viết.
- Chỉnh sửa bài viết cho mình và cho bạn.

Nội dung:

- GV trả bài, yêu cầu HS thảo luận nhóm nhận xét bài của mình và bài của bạn.
- HS đọc bài viết, làm việc nhóm.

• Tổ chức thực hiện

• Sản phẩm

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Trả bài cho HS & yêu cầu HS đọc, nhận xét.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV giao nhiệm vụ
- HS làm việc theo nhóm

B3: Báo cáo thảo luận

- GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn.
- HS nhận xét bài viết.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- GV chốt lại những ưu điểm và tồn tại của bài viết.
- *Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói dựa trên dàn ý của bài viết.*

Bài viết đã được sửa của HS

NÓI VÀ NGHE

KỂ LẠI MỘT TRUYỀN THUYẾT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

Kể lại truyền thuyết một cách đầy đủ, chính xác

2. Về năng lực:

- Biết kể chuyện ở ngôi thứ ba.
- Biết cách nói và nghe phù hợp tường thuật theo lời kể chuyện thông thường.

3. Về phẩm chất:

- Nhân ái, yêu nước, tự hào về lịch sử và truyền thống văn hoá của dân tộc, có khát vọng cống hiến vì những giá trị của cộng đồng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.
- Máy chiếu, máy tính.
- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HD nói.

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt (Dưới 5 điểm)	Đạt (Từ 5-7 điểm)	Tốt (Từ 8-10 điểm)
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa biết lựa chọn truyền thuyết.	Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng..

4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.
5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HD 1: Xác định vấn đề

a) Mục tiêu: HS kết nối kiến thức của cuộc sống vào bài học

b) Nội dung:

- GV yêu cầu HS quan sát video và giao nhiệm vụ cho HS.
- HS quan sát video, lắng nghe câu chuyện được kể và trả lời câu hỏi của GV.

c) Sản phẩm:

- HS xác định được nội dung của tiết học là kể lại một truyền thuyết

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV chiếu video và giao nhiệm vụ cho HS:

? Nội dung của đoạn video? Em học được điều gì khi kể chuyện qua đoạn video trên?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS quan sát, lắng nghe đoạn video và suy nghĩ cá nhân
- GV chấn chỉnh những HS chưa tập trung theo dõi video (nếu có).

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét và kết nối vào bài

HD 2: Hình thành kiến thức mới

TRƯỚC KHI NÓI

a) Mục tiêu:

- HS xác định được mục đích nói và người nghe
- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

b) Nội dung:

- GV hỏi & nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS.
- HS trả lời câu hỏi của GV & nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d) Tổ chức thực hiện

HD của thầy và trò	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) ? Mục đích nói của bài nói là gì? ? Những người nghe là ai? ? Em cần chuẩn bị những gì cho bài nói của mình? B2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ câu hỏi của GV. - Dự kiến KK: HS không trả lời được câu hỏi. - Tháo gỡ KK: GV đặt câu hỏi phụ. B3: Thảo luận, báo cáo - HS trả lời câu hỏi của GV. B4: Kết luận, nhận định (GV) GV: Nhận xét câu trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn sang mục b.	1. Chuẩn bị nội dung - Xác định mục đích nói và người nghe (SGK). - Học sinh đọc lại, nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng của truyền thuyết; lập bảng tóm tắt những sự việc chính, xác định giọng kể. 2. Tập luyện - Tập nói một mình. - Luyện nói theo nhóm cặp. - Có thể sử dụng thêm các phương tiện hỗ trợ

	như âm nhạc, tranh ảnh, đạo cụ...
--	-----------------------------------

TRÌNH BÀY NÓI	
a) Mục tiêu: - Luyện kĩ năng nói cho HS - Giúp HS nói đúng nội dung giao tiếp và biết một số kĩ năng nói trước đám đông. b) Nội dung: GV yêu cầu: - HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết & nhận xét HĐ nói của bạn. c) Sản phẩm: Sản phẩm nói của HS d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Yêu cầu HS kể lại truyền thuyết đã được học hay đã biết - Trình chiếu phiếu đánh giá nói theo các tiêu chí và yêu cầu HS đọc. B2: Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh đọc lại, nhớ lại nội dung của truyền thuyết định kể, đánh dấu những nội dung quan trọng của truyền thuyết - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí B3: Thảo luận, báo cáo - HS nói (4 – 5 phút). - GV hướng dẫn HS nói B4: Kết luận, nhận định (GV)	- HS nói trước lớp - Yêu cầu nói: + Nói đúng mục đích (kể lại một Truyền thuyết). + Nội dung nói đảm bảo các sự việc chính theo trình tự nhất định, có mở đầu, có kết thúc hợp lí. + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.

- Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.	+ Điều bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt... phù hợp.
--	---

TRAO ĐỔI VỀ BÀI NÓI

a) **Mục tiêu:** Giúp HS

- Biết nhận xét, đánh giá về HĐ nói của nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí.

b) **Nội dung:**

- GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá HĐ nói dựa trên các tiêu chí.

- HS làm việc cá nhân, làm việc nhóm và trình bày kết quả.

Sản phẩm: Lời nhận xét về HĐ nói của từng HS.

Tổ chức thực hiện

HĐ của GV & HS	Dự kiến sản phẩm
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Trình chiếu phiếu đánh giá HĐ nói theo các tiêu chí. - Yêu cầu HS đánh giá B2: Thực hiện nhiệm vụ GV: Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu tiêu chí. HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy. B3: Thảo luận, báo cáo - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá. - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói. B4: Kết luận, nhận định	- Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí. - Nhận xét của HS

- | | |
|--|--|
| - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét ý kiến của HS và kết nối sang hoạt động sau. | |
|--|--|

HĐ 3: Luyện tập

- a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể
- b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao
- c) **Sản phẩm:** Đáp án đúng của bài tập.
- d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Đóng vai một trong các nhân vật Thánh Gióng, Sơn Tinh, Thủy Tinh, Vua Hùng...kể lại câu chuyện.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS liệt kê các sự việc trong câu chuyện và kể lại câu chuyện.
- GV hướng dẫn HS: Liệt kê các sự việc, đóng vai nhân vật xưng “tôi”.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HĐ 4: củng cố, mở rộng

- a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS
- b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Sản của HS sau khi đã được chỉnh sửa (nếu cần).
- d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Sưu tầm một số bản kể của các truyền thuyết đã học. So sánh và nhận xét về sự giống nhau và khác nhau giữa các bản kể.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu:

- Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập để khắc sâu kiến thức

b) Nội dung:

- GV giao bài tập cho HS.
- HS hoạt động cá nhân để hoàn thành bài tập.

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Giáo viên giao bài tập cho HS

Bài tập 1: Thảo luận về các đặc điểm của truyền thuyết và hoàn thiện bảng theo mẫu sau:

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	

Bài tập 2: Viết đoạn văn tưởng tượng cách kết thúc khác của truyện thuyết *Thánh Gióng* và kể lại trước lớp. Trong đó có sử dụng dấu chấm phẩy và nêu tác dụng.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS đọc để xác định yêu cầu của bài tập.
- GV hướng dẫn HS cách làm.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV yêu cầu HS chữa bài tập bằng cách trình bày sản phẩm của mình.
- HS lên bảng chữa bài hoặc đứng tại chỗ để trình bày, chụp lại bài và gửi lên zalo. HS khác theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung (nếu cần)...

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

Hoạt động 4: Củng cố, mở rộng

a) Mục tiêu:

- Củng cố kiến thức nội dung của bài học
- Mở rộng thêm bằng cách đọc thêm 1 số văn bản khác

b) Nội dung:

- GV ra bài tập
- HS làm bài tập

c) Sản phẩm: Đáp án đúng của bài tập

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập 1: Tìm hiểu, giới thiệu một số tác phẩm thơ hoặc vở kịch thể hiện nội dung truyện *Thánh Gióng* và truyện *Sơn Tinh, Thủy Tinh*?

Bài tập 2: Theo em vì sao hội thi thể thao trong trường phổ thông thường được đặt tên là *Hội khỏe Phù Đổng*?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập 1 & 2.

B3: Báo cáo, thảo luận

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định(GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

PHIẾU HỌC TẬP SỬ DỤNG TRONG BÀI 1

Phiếu số

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THEO TIÊU CHÍ			
Nhóm:.....			
Tiêu chí	Mức độ		
	Chưa đạt <i>(Dưới 5đ)</i>	Đạt <i>(Từ 5-7 điểm)</i>	Tốt <i>(Từ 8-10 điểm)</i>
1. Chọn được câu chuyện hay, có ý nghĩa	Chưa biết lựa chọn truyền thuyết .	Có truyền thuyết để kể nhưng chưa hay.	Câu chuyện hay và ấn tượng.
2. Nội dung câu chuyện phong phú, hấp dẫn	ND sơ sài, chưa có đủ chi tiết để người nghe hiểu câu chuyện.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng.	Nội dung câu chuyện đầy đủ các chi tiết quan trọng và có sự chuyển ý giữa các sự việc.
3. Nói to, rõ ràng, truyền cảm.	Nói nhỏ, khó nghe; nói lắp, ngập ngừng...	Nói to nhưng đôi chỗ lặp lại hoặc ngập ngừng một vài câu.	Giọng kể thay đổi linh hoạt, có lúc trang nghiêm, có lúc truyền cảm, hào sảng, trầm lắng..
4. Sử dụng yếu tố phi ngôn ngữ phù hợp.	Điều bộ thiếu tự tin, mắt chưa nhìn vào người nghe; nét mặt chưa biểu cảm hoặc biểu cảm không phù hợp.	Điều bộ tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt biểu cảm phù hợp với nội dung câu chuyện.	Điều bộ rất tự tin, mắt nhìn vào người nghe; nét mặt sinh động.

5. Mở đầu và kết thúc hợp lí	Không chào hỏi/ và không có lời kết thúc bài nói.	Có chào hỏi/ và có lời kết thúc bài nói.	Chào hỏi/ và kết thúc bài nói một cách hấp dẫn.
TỔNG ĐIỂM:/10 điểm			

Phiếu số

STT	Các yếu tố	Đặc điểm
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Lời kể	
5	Yếu tố kì ảo	